

KẾT LUẬN

**HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6, BCH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVII
về tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị¹**

Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVII, họp ngày 22/10/2021, sau khi xem xét Báo cáo số 21-BC/BCSD, ngày 24/9/2021 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh “*về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy khóa XVI về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025*”, đã thảo luận và thống nhất kết luận:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 04-NQ/TU

Sau khi Nghị quyết số 04-NQ/TU được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, sự đồng thuận, hưởng ứng của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên đã tạo chuyển biến mới trong nhận thức và hành động về thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trong toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời tập trung chỉ đạo cụ thể hóa, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị quyết² và đạt được những kết quả quan trọng.

Các cấp ủy đảng, chính quyền đã triển khai thực hiện việc rà soát, bổ sung và hoàn thiện quy hoạch ngành, quy hoạch nông thôn mới. Huy động nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, qua đó từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn, tăng năng lực phòng chống rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng tốt hơn sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ; nhiều tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ số được chuyển giao diện rộng, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm

¹ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025 đã ban hành Nghị quyết riêng.

² HĐND tỉnh đã ban hành 11 nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; UBND tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 6053/CTHD-UBND, ngày 30/11/2017 để triển khai thực hiện Nghị quyết.

nông - lâm - ngư nghiệp. Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã có chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ. Một số nông sản chủ lực được cấp chứng nhận, nhãn hiệu, tạo điều kiện để tham gia thị trường hàng hóa.

Đến nay, các mục tiêu đều đạt và vượt kế hoạch³ đề ra. Các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đều được cơ cấu lại theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Trong đó, đã tập trung tổ chức lại trồng trọt theo hướng chuyên canh, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, chuyển đổi bộ giống, tập trung ruộng đất, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, canh tác tự nhiên gắn với liên doanh liên kết. Chăn nuôi chuyên dần từ hộ gia đình sang chăn nuôi trang trại tập trung, đảm bảo môi trường và an toàn dịch bệnh; tỷ trọng giá trị ngành chăn nuôi ngày càng tăng. Nuôi trồng thủy hải sản phát triển theo hướng thâm canh, đa dạng đối tượng và phương thức nuôi, áp dụng công nghệ cao và thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh khai thác xa bờ, tăng năng lực bảo quản, chế biến; đồng thời tổ chức lại hệ thống dịch vụ hậu cần nghề cá và phát triển mô hình liên kết giữa khai thác, dịch vụ hậu cần và tiêu thụ sản phẩm. Công tác quản lý bảo vệ rừng được quan tâm đầu tư, phát triển. Rừng tự nhiên được quản lý, bảo vệ tốt. Năng suất, chất lượng giá trị gỗ rừng trồng được nâng cao; quản lý rừng bền vững theo chứng chỉ FSC được nhân rộng; đẩy mạnh chuyển hoá rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn tạo vùng nguyên liệu ổn định phục vụ phát triển của công nghiệp chế biến gỗ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU vẫn còn một số hạn chế: Thiếu quy hoạch vùng sản xuất tập trung quy mô lớn. Việc duy trì và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế còn hạn chế, chưa bền vững, chưa tạo được nhiều thương hiệu sản phẩm có chất lượng cao. Công tác dồn điền đổi thửa, tập trung ruộng đất, xây dựng cánh đồng mẫu lớn chưa hiệu quả. Các hình thức sản xuất ở nông thôn, hoạt động hợp tác xã nông nghiệp có sự thay đổi nhưng một số nơi vẫn còn chậm, chưa phát huy hết vai trò của hợp tác xã đối với thành viên; thiếu tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Việc huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn dàn trải. Tổng đàn gia súc giảm qua các năm; nuôi tôm thiếu tính bền vững. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp thiếu đồng bộ; công nghiệp chế biến và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp chưa phát triển.

Nguyên nhân của hạn chế: Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan chủ yếu là: Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương thiếu sự quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết; thiếu sự quan tâm thực hiện công tác quy hoạch. Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương có

³Có 6/7 mục tiêu đạt và vượt kế hoạch; 01 mục tiêu và 02 chỉ tiêu thành phần chưa đạt kế hoạch.

nơi, có lúc chưa thực sự chặt chẽ. Huy động và bố trí nguồn lực có mặt còn hạn chế. Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa phù hợp với tình hình thực tiễn; chất lượng nguồn nhân lực và lao động nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu chung

Thực hiện tái cơ cấu giữa các lĩnh vực và trong từng lĩnh vực sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp hiệu quả, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống của người dân nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an sinh - xã hội và quốc phòng - an ninh. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp; từng bước hình thành chuỗi giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025 từ 3 - 3,5%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 2,5 - 3%;

- Ổn định sản lượng lương thực có hạt từ 25 - 26 vạn tấn/năm;

- Bình quân hàng năm đạt trên 80% diện tích lúa chất lượng cao so với tổng diện tích gieo trồng lúa; Phấn đấu đến 2025 có trên 1.000 ha lúa hữu cơ, canh tác tự nhiên có liên kết, gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị.

- Đến năm 2025, sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt tối thiểu 47.000 tấn; đến năm 2030 đạt tối thiểu 60.000 tấn;

- Đến năm 2025, sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn; diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 3.600 - 3.800 ha; đến năm 2030 sản lượng thủy sản đạt 45.000, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 4.000 ha;

- Độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 49 - 50%, đến năm 2030 duy trì mức 49%;

- Đến năm 2025, đảm bảo tưới chủ động đạt 90% diện tích đất trồng lúa 02 vụ; đến năm 2030 ổn định trên 90% diện tích trồng lúa.

- Đến 2025, có trên 60% HTX nông nghiệp đạt loại khá trở lên, có từ 20 - 30% HTX nông nghiệp có liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm cho thành viên. Đến 2030, phấn đấu có từ 70% HTX nông nghiệp đạt loại khá trở lên, có trên 40% HTX có liên kết với doanh nghiệp thực hiện dịch vụ tiêu thụ sản phẩm cho thành viên.

- Đến cuối năm 2025, có thêm 100 sản phẩm OCOP, trong đó có 1 - 3 sản phẩm 5 sao, 15 - 20 sản phẩm 4 sao, có 1 - 2 sản phẩm OCOP là sản phẩm du lịch cộng đồng. Đến năm 2030, có thêm 100 sản phẩm OCOP, trong đó nâng tổng số sản phẩm OCOP 5 sao của tỉnh từ 5 - 7 sản phẩm.

- Phân đầu đến năm 2025 hình thành chuỗi giá trị đối với các sản phẩm như lúa gạo, hồ tiêu, cà phê, dược liệu, bò thịt, lợn thịt...

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Tập trung công tác quy hoạch: Rà soát quy hoạch ngành nông nghiệp để tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030. Hoàn thành quy hoạch các vùng huyện gắn với kế hoạch sử dụng đất; phê duyệt vùng sản xuất nông nghiệp cây trồng, con nuôi chủ lực, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, trên cơ sở đó đề cơ cấu sản xuất phù hợp với tiềm năng, lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với phát triển công nghiệp chế biến.

3.2. Nghiên cứu, rà soát, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo động lực mới cho phát triển sản xuất nông nghiệp như chính sách về tín dụng, đất đai, hỗ trợ chế biến sâu, phát triển rừng gỗ lớn, phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm, liên doanh liên kết; Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách ưu đãi hỗ trợ khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, kinh tế tư nhân liên doanh liên kết, xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp.

3.3. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp. Chú trọng bố trí nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng đến khu, vùng sản xuất tập trung, vùng nuôi, vùng nguyên liệu. Nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy tối đa năng lực thiết kế, đảm bảo nước cho sản xuất. Hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch nông thôn và miền núi, đảm bảo đến năm 2025 tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 97,5%, đến năm 2030 đạt tỷ lệ 98%; chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã miền núi, vùng huyện.

3.4. Tiếp tục đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả. Xây dựng và nhân rộng mô hình hoạt động hiệu quả của các hợp tác xã, tổ hợp tác, các liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy các hợp tác xã tham gia chương trình OCOP. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nghề, tạo nguồn nhân lực phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, tạo việc làm mới, chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp theo hướng chuyển đổi nghề ngay trong nội ngành, chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; đào tạo chuyên gia về nông nghiệp công nghệ cao cho tỉnh. Hỗ trợ hình thành các

mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp, gắn sản xuất với tiêu thụ, xây dựng các chuỗi liên kết thực sự bền vững.

3.5. Tập trung ưu tiên nguồn lực hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, hướng đến nền nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số trong nông nghiệp. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại đảm bảo kết nối giữa sản xuất và tiêu thụ, ứng dụng thương mại điện tử, nâng cao khả năng kết nối sản xuất - thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư hình thành trung tâm phát triển nông nghiệp tỉnh theo hướng liên doanh liên kết, sàn giao dịch nông sản hàng hóa gắn với vùng nguyên liệu và chế biến sản phẩm nông nghiệp hàng hóa.

3.6. Thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên các lĩnh vực và trong từng lĩnh vực.

a. Cơ cấu lại ngành trồng trọt: Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có lợi thế của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến và đầu ra cho sản phẩm; ưu tiên phát triển các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên. Đẩy mạnh chuyển đổi các loại cây trồng phù hợp với từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó, ổn định diện tích trồng sản nguyên liệu, cà phê, cao su; đồng thời tập trung phát triển lúa chất lượng cao, hữu cơ, canh tác tự nhiên; phát triển hồ tiêu theo quy trình chỉ dẫn địa lý hồ tiêu Quảng Trị, đạt các tiêu chuẩn hữu cơ, an toàn thực phẩm; mở rộng diện tích cây ăn quả và cây dược liệu và các cây trồng khác như chuối, bơ, chanh leo, cây có múi...

b. Cơ cấu lại ngành chăn nuôi: Ưu tiên phát triển các trang trại chăn nuôi lợn, bò, gia cầm theo hướng ứng dụng công nghệ cao, gắn với liên kết chế biến và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm chăn nuôi của tỉnh; giảm dần và tiến đến thực hiện không chăn nuôi trong nội thành, nội thị theo lộ trình. Phát triển đàn lợn và tiếp tục thực hiện Chương trình Zebu hóa đàn bò theo hướng chuyên thịt đạt 70% tổng đàn trở lên. Hỗ trợ phát triển bò thịt quy mô nông hộ tham gia liên kết chuỗi. Đầu tư các cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch.

c. Cơ cấu lại ngành thủy sản: Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng nuôi tôm công nghệ cao, đầu tư thâm canh; quản lý quy hoạch vùng nuôi, nhất là nuôi tôm trên cát, đảm bảo phát triển bền vững. Nâng cao năng lực đánh bắt, đẩy mạnh khai thác xa bờ, tăng năng lực bảo quản, chế biến, tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao; quan tâm phối hợp giải quyết các tồn đọng, khó khăn liên quan đến hoạt động tàu theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

d. Cơ cấu lại ngành lâm nghiệp: Xây dựng ngành lâm nghiệp thực sự trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật; quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên lâm nghiệp. Chuyển mạnh phát triển rừng sản xuất sang trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ quản lý rừng bền vững; chuyển đổi cơ cấu giống lâm nghiệp theo hướng sử dụng giống nuôi cấy mô, phục vụ phát triển rừng gỗ lớn. Thu hút các doanh nghiệp chế biến sâu gỗ rừng trồng gắn với vùng nguyên liệu chất lượng cao. Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ từ môi trường rừng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt Kết luận đến tận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân; đồng thời, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện có hiệu quả Kết luận.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện Kết luận.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương
- Văn phòng Trung ương Đảng
- Ban Kinh tế Trung ương
- BCS đảng Bộ NN&PTNT,
- HĐND, UBND tỉnh,
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ

Lê Quang Tùng